

Xây dựng thang đo đánh giá kỹ năng sống của học sinh lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ

PGS.TS. Lương Thị Ánh Ngọc; ThS. Lương Quốc Hùng

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm xác định thang đo đánh giá kỹ năng sống (KNS) của học sinh (HS) lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ thông qua bảng hỏi. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích độ tin cậy cronbachs alpha để kiểm tra độ tin cậy của các mục hỏi. Thang đo lường đánh giá KNS của HS lớp 1, 2, 3 thành phố Cần Thơ (TPCT) được xây dựng qua 3 bước rất khoa học gồm 11 kỹ năng (KN) với 56 tiêu chí đánh giá.

Từ khóa: thang đo đánh giá, kỹ năng sống.

ABSTRACT:

The research aimed to determine the evaluating scale of life skills of the pupils in grade 1st, 2nd and 3rd in Can Tho City through a questionnaire. The study has used Cronbach's Alpha analysis method to check reliability of questionnaire's items. The evaluating scale was built through 3 scientific steps including 11 skills with 56 evaluation criterions.

Keywords: evaluating scale, life skills.



(Ảnh minh họa)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lĩnh vực nghiên cứu về tâm lý giáo dục - xã hội học thì việc xây dựng thang đo đảm bảo đủ độ tin cậy và độ phù hợp để đo lường và đánh giá một lĩnh vực hay một vấn đề nào đó một cách trọn vẹn là điều rất cần thiết và rất quan trọng. Điều này thực hiện thành công thì sẽ dẫn đến kết quả nghiên cứu thành công. Do vậy, việc xây dựng thang đo đánh giá mức độ KNS của HS lớp 1, 2, 3 tại TPCT cần thiết thực hiện. Từ thực tế trên chung tôi chọn nghiên cứu đề tài: *“Xây dựng thang đo đánh giá kỹ năng sống của học sinh lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ”*.

Nghiên cứu nhằm xác định thang đo đánh giá KNS cho HS lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ thông qua bảng hỏi.

Trong quá trình tiến hành nghiên cứu, nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: phân tích tổng hợp tài liệu, điều tra xã hội học bằng phiếu hỏi, toán học thống kê (trong nghiên cứu nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS vision 20.0 và microsoft excel 2016 để phân tích dữ liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu).

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập, tổng hợp tất cả KNS cần thiết và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm sinh lý của HS

Trên cơ sở mục đích, yêu cầu và nội dung giáo dục KNS do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn, qua nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu, chúng tôi đã tổng hợp được 22 KNS đặc trưng dành cho HS phổ thông, bao gồm: (1) KN vận động, (2) KN xác định giá trị, (3) KN giao tiếp, (4) KN ứng phó với căng thẳng, (5) KN chia sẻ, (6) KN thương lượng, (7) KN nói lời cảm ơn, xin lỗi, (8) KN lắng nghe tích cực, (9) KN thể hiện sự cảm thông, (10) KN thể hiện sự tự tin, (11) KN giải quyết mâu thuẫn, (12) KN nói lời yêu cầu đề nghị, (13) KN tư duy phê phán, (14) KN tự bảo vệ, (15) KN ra quyết định, (16) KN thuyết trình trước đám đông, (17) KN kiên định, (18) KN phối hợp nhóm, (19) KN vệ sinh, dinh dưỡng, (20) KN quản lý thời gian, (21) KN tìm kiếm và xử lý thông tin, (22) KN sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản. Tất cả KNS được tiến hành phỏng vấn lựa chọn các KNS

có tính khoa học, chuyên môn và đảm bảo phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học (HSTH).

2.2. Khảo sát sơ bộ các KNS phù hợp, khái quát các tiêu chí đánh giá và xác định hình thức trả lời

Các KNS được phỏng vấn bởi 160 CBQL, GV các trường tiểu học trên địa bàn TPCT để lựa chọn các KNS cần thiết để đánh giá thực trạng và giảng dạy cho HSTH lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các KNS có tổng tỷ lệ đánh giá ở mức cần thiết (mức 4) và rất cần thiết (mức 5) từ 80% trở lên.

Từ kết quả phỏng vấn, nghiên cứu đã lựa chọn được 11/22 KNS phù hợp dùng để đánh giá thực trạng cho HS lớp 1, 2, 3 tại Cần Thơ với trên 80% CBQL, GV tiểu học tại Cần Thơ cho là rất cần thiết và cần thiết, gồm: (1) KN vận động, (2) KN giao tiếp, (3) KN chia sẻ, (4) KN thương lượng, (5) KN nói lời cảm ơn, xin lỗi, (6) KN nói lời yêu cầu đề nghị, (7) KN tự bảo vệ, (8) KN thuyết trình trước đám đông, (9) KN phối hợp nhóm, (10) KN VS, dinh dưỡng, (11) KN sử dụng CNTT cơ bản.

Khi phân tích các khái niệm của các KNS và khái quát thành những tiêu chí chính giải thích khái niệm nghiên cứu, cũng chính là các tiêu chí dùng để đánh giá các KNS cho HSTH lớp 1, 2, 3 ở Cần Thơ. Kết quả đã khái quát được 101 tiêu chí (mục hỏi) của 11 KNS trên dùng để phỏng vấn tiếp tục CBQL, GV và được mã hóa thành các đề mục (tiêu chí đánh giá), trong đó KN vận động (11 tiêu chí), KN giao tiếp (10 tiêu chí), KN chia sẻ (10 tiêu chí), KN thương lượng (10 tiêu chí), KN nói lời cảm ơn, xin lỗi (6 tiêu chí), KN nói lời yêu cầu đề nghị (8 tiêu chí), KN tự bảo vệ (9 tiêu chí), KN thuyết trình trước đám đông (10 tiêu chí), KN phối hợp nhóm (9 tiêu chí), KN VS, dinh dưỡng (9 tiêu chí), (11) KN sử dụng CNTT cơ bản (9 tiêu chí).

Thông qua kết quả khảo sát và tiến hành thu thập dữ liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Mẫu phiếu hỏi thang đo thực trạng KNS cho HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT gồm 11 KNS với 101 mục hỏi.

Xác định hình thức trả lời: trong luận án áp dụng hình thức trả lời theo thang đo likert 5 mức độ để tiến hành khảo sát 160 CBQL và GV. Người được khảo sát được chọn theo mức độ từ (1 đến 5) với các nội dung liên quan đến thực trạng KNS cho HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT.

2.3. Kiểm định độ tin cậy của phiếu hỏi bằng chỉ số cronbachs alpha

Để đánh giá chính xác về độ tin cậy của phiếu khảo sát, luận án tiến hành đánh giá thang đo bằng hệ số tin cậy cronbachs alpha. Thang đo đánh giá KNS cho HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT (11 KNS với 101 tiêu chí hay mục hỏi), điều này được thể hiện như sau:

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN vận động (VD) cho thấy: sau 4 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.626, 0.654, 0.688 và 0.717 tất cả đều > 0.6, có 4 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3) và 07 mục hỏi lần lượt là VD2, VD5, VD8, VD10, VD11, VD7 và VD6 có hệ số tương quan biến tổng <0.3 nên loại bỏ 07 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KNVD của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 04 mục hỏi là: đi đứng tư thế (VD1); ngồi đứng tư thế (VD3); đứng đúng tư thế (VD4) và biết bơi (VD9). Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN giao tiếp (GT) cho thấy: sau 3 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.609, 0.721 và 0.850 tất cả đều > 0.6, có 5 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (Corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3) và 05 mục hỏi lần lượt là GT7, GT8, GT9, GT10 và GT4 có hệ số tương quan biến tổng <0.3 nên loại bỏ 05 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN GT của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 05 mục hỏi là: biết lắng nghe thông tin chính xác (GT1); không làm sai lệch thông tin (GT2); biết chào hỏi người khác (GT3); biết cách chấp nhận người khác (GT5) và biết giao tiếp đúng mực với GV, cán bộ nhân viên ở trường (GT6). Kết

Bảng 1. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN VD của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
VD1	12.59	4.243	.334	.742
VD3	12.63	3.291	.687	.551
VD4	12.53	3.685	.683	.584
VD9	13.00	2.843	.454	.737
Cronbach's alpha = .717		N of Items = 4		

qua được thể hiện qua bảng 2.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN chia sẻ (CS) cho thấy: sau 2 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.723 và 0.922 tất cả đều > 0.6, có 7 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3) và 03 mục hỏi là CS6, CS9 và CS10 có hệ số tương quan biến tổng <0.3 nên loại bỏ 03 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN CS của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 07 mục hỏi là: hiểu được cảm xúc của người khác (CS1); không làm ảnh hưởng đến người khác (CS2); biết đồng cảm với người khác (CS3); biết quý giá trị lao động của người khác (CS4); biết làm chủ cảm xúc của mình (CS5); biết chia sẻ về vật chất với người khác (CS7) và biết cách chấp nhận cảm xúc của người khác (CS8). Kết quả được thể

hiện qua bảng 3.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN thương lượng (TL) cho thấy: sau 4 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.692, 0.807, 0.824 và 0.851 tất cả đều > 0.6, có 5 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3) và 05 mục hỏi lần lượt là TL2, TL9, TL10, TL7 và TL8 có hệ số tương quan biến tổng <0.3 nên loại bỏ 05 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN thương lượng của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 05 mục hỏi là: biết nhường nhịn trong gia đình (anh, em) (TL1); biết cảm thông với người khác (TL3), không hiếu thắng trong tranh cãi với bạn bè (TL4), biết cách hạn chế những mâu thuẫn trong quan hệ gia đình (TL5) và biết nhường nhịn bạn bè (TL6). Kết quả được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 2. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN GT của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
GT1	17.29	5.001	.680	.814
GT2	17.29	4.709	.706	.807
GT3	17.37	4.825	.633	.830
GT5	17.23	5.635	.569	.842
GT6	17.23	5.396	.769	.801
Cronbach's alpha = .850		N of Items = 5		

Bảng 3. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN CS của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
CS1	23.94	18.255	.835	.902
CS2	23.86	18.740	.899	.897
CS3	23.60	23.084	.368	.941
CS4	23.81	19.440	.911	.899
CS5	23.88	19.590	.789	.908
CS7	24.11	18.272	.843	.901
CS8	24.17	16.795	.758	.919
Cronbach's alpha = .922		N of Items = 7		

Bảng 4. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN TL của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
TL1	15.69	7.524	.911	.742
TL3	15.59	8.256	.806	.778
TL4	14.77	12.846	.429	.873
TL5	14.84	12.900	.333	.886
TL6	15.69	7.524	.911	.742
Cronbach's alpha = .851		N of Items = 6		

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN cảm ơn, xin lỗi (XL) cho thấy: sau 3 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.697, 0.695 và 0.781 tất cả đều > 0.6 , có 4 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 02 mục hỏi lần lượt là XL3 và XL2 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 02 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN XL của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 04 mục hỏi là: biết nói lời cảm ơn khi nhận được quà từ người khác (ông bà, cha mẹ, thầy cô, bạn bè) (XL1); biết nói lời xin lỗi khi làm phiền người khác (ông, bà, cha mẹ, anh chị, em, thầy cô, bạn bè) (XL4); biết nhận ra lỗi lầm của bản thân để sửa chữa (XL5) và biết nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ (XL6). Kết quả được thể hiện qua bảng 5.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN yêu cầu, đề nghị (DN) cho thấy: sau 3 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.635, 0.698 và 0.754 đều > 0.6 , có 5 mục hỏi có hệ số tương quan với

biến tổng (corrected Item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 03 mục hỏi lần lượt là DN6, DN8 và DN7 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 02 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KNDN của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 05 mục hỏi là: mạnh dạn yêu cầu người khác giúp đỡ (DN1); biết thể hiện sự tự trọng khi nói lời yêu cầu (DN2); mạnh dạn đề nghị người khác (ông bà, cha, mẹ, bạn bè, thầy cô) giúp đỡ (DN3); biết cư xử đúng mực và tự tin khi yêu cầu hay đề nghị (DN4) và kiên nhẫn đề nghị hay yêu cầu khi bị từ chối (DN5). Kết quả được thể hiện qua bảng 6.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN tự bảo vệ (BV) cho thấy: hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.605, 0.762 và 0.863 tất cả đều > 0.6 , có 5 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (Corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 04 mục hỏi lần lượt là BV4, BV7, BV8 và BV9 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 04 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo

Bảng 5. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN XL của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
XL1	12.83	2.875	.624	.713
XL4	12.87	2.178	.809	.594
XL5	12.71	3.089	.447	.772
XL6	12.92	2.780	.499	.775
Cronbach's alpha = .781 N of Items = 4				

Bảng 6. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN DN của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
DN1	16.56	5.078	.488	.723
DN2	16.53	5.131	.472	.728
DN3	16.33	5.529	.505	.717
DN4	16.54	4.414	.687	.642
DN5	16.38	5.506	.463	.729
Cronbach's alpha = .754 N of Items = 5				

Bảng 7. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN BV của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
BV1	15.61	10.578	.360	.858
BV2	15.82	8.351	.867	.799
BV3	16.12	7.602	.795	.804
BV5	15.89	8.397	.753	.819
BV6	16.18	6.401	.757	.832
Cronbach's alpha = .863 N of Items = 5				

đánh giá KNT BV của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 05 mục hỏi là: biết phòng tránh tai nạn (BV1); không tiếp xúc với người lạ (BV2); nhận biết những nơi nguy hiểm và cách ứng phó (BV3); nhận biết tình huống nguy hiểm và cách ứng phó (BV5) và nhận biết những vật dụng nguy hiểm và cách ứng phó (BV6). Kết quả được thể hiện qua bảng 7.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN thuyết trình trước đám đông (TTr) cho thấy: sau 3 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.631, 0.618 và 0.899 tất cả đều > 0.6 , có 3 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 07 mục hỏi lần lượt là TTr6, TTr8, TTr9, TTr1, TTr2, TTr7 và TTr10 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 07 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN Ttr trước đám đông của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 03 mục hỏi là: biết nhận diện những cảm xúc đơn giản (TTr3); biết kiềm chế những cảm xúc đơn giản (TTr4) và tự tin trình bày một vấn đề trước tập thể một cách rõ ràng (TTr5). Kết quả được thể hiện qua bảng 8.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN phối hợp nhóm (PH) cho thấy: sau 2 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.679 và 0.914 tất cả đều > 0.6 , có 6 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (corrected item-total correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 03 mục hỏi lần lượt là PH6, PH8 và PH9 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 03 mục hỏi này. Luận án đã xây

dựng được thang đo đánh giá KN PH nhóm của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 06 mục hỏi là: biết làm việc cùng bạn bè (PH1); biết chia sẻ thông tin với bạn (PH2); biết phối hợp làm việc với bạn (PH3); Biết cách kết bạn mới (PH4); biết cách sinh hoạt theo nhóm (PH5) và biết tôn trọng, đoàn kết với bạn bè (PH7). Kết quả được thể hiện qua bảng 9.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN VS dinh dưỡng (VS) cho thấy: Sau 3 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.895, 0.909 và 0.924 tất cả đều > 0.6 , có 7 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (Corrected item-total Correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 01 mục hỏi lần lượt là VS7 và VS1 có hệ số tương quan biến tổng < 0.3 nên loại bỏ 02 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KNVS, dinh dưỡng của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 07 mục hỏi là: khả năng biết tự tắm rửa (VS2); khả năng biết ăn uống hợp VS (VS3); khả năng biết ăn uống an toàn (VS4); khả năng biết tự đánh răng (VS5); khả năng biết lên lịch VS các nhân hàng ngày (VS6); khả năng biết tự rửa mặt (VS8) và khả năng biết tự rửa tay trước khi ăn (VS9). Kết quả được thể hiện qua bảng 10.

Kết quả kiểm định thang đo đánh giá KN sử dụng CNTT cơ bản cho thấy: sau 5 lần kiểm định, hệ số cronbach's alpha tổng lần lượt là 0.778, 0.788, 0.806, 0.840 và 0.936 tất cả đều > 0.6 , có 5 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng (Corrected item-total Correlation) lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (> 0.3) và 04 mục hỏi lần lượt là CNTT8, CNTT7, CNTT1 và

Bảng 8: Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN TTr

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
TTr3	7.94	2.260	.768	.883
TTr4	7.88	2.143	.890	.781
TTr5	7.99	2.182	.751	.901
Cronbach's Alpha = .899 N of Items = 3				

Bảng 9. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN PH của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
PH1	21.31	11.185	.718	.905
PH2	21.38	11.068	.672	.913
PH3	21.21	10.718	.877	.882
PH4	21.31	10.931	.854	.886
PH5	21.35	11.336	.651	.915
PH7	21.16	11.873	.867	.891
Cronbach's Alpha = .914 N of Items = 6				

Bảng 10. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN VS, của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
VS2	24.45	23.130	.792	.910
VS3	24.42	24.006	.781	.913
VS4	24.28	25.474	.761	.919
VS5	24.55	22.601	.756	.913
VS6	24.94	20.185	.813	.910
VS8	24.85	20.141	.861	.903
VS9	24.49	23.119	.706	.918
Cronbach's alpha = .924		N of Items = 7		

Bảng 11. Mô tả hệ số tin cậy cronbachs alpha của thang đo các mục hỏi đánh giá KN sử dụng CNTT của HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT

Mục hỏi	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
CNTT2	16.28	7.637	.911	.905
CNTT3	16.29	7.426	.934	.900
CNTT4	16.34	7.407	.902	.908
CNTT5	15.65	10.330	.686	.949
CNTT6	15.74	9.349	.801	.929
Cronbach's alpha = .936		N of Items = 5		

CNTT9 có hệ số tương quan biến tổng <0.3 nên loại bỏ 04 mục hỏi này. Luận án đã xây dựng được thang đo đánh giá KN sử dụng CNTT cơ bản của HSTH lớp 1, 2, 3 ở TPCT với 05 mục hỏi là: biết sử dụng smart phone (điện thoại thông minh) để xem phim hoạt hình (CNTT2); biết sử dụng smart phone (điện thoại thông minh) để chơi game (CNTT3); biết sử dụng máy tính bảng để xem phim hoạt hình (CNTT4); biết bật/tắt tivi (CNTT5) và Biết sử dụng điện thoại để gọi cho người thân (CNTT6). Kết quả được thể hiện qua bảng 1.

3. KẾT LUẬN

Thông qua 3 bước tham khảo chuyên gia và kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số tin cậy cronbachs alpha, nghiên cứu đã xây dựng được thang đo có 11 KNS với 56 tiêu chí đủ độ tin cậy để đánh giá KNS cho HS lớp 1, 2, 3 ở TPCT, gồm: (1) KN VĐ (4 tiêu chí), (2) KN GT (5 tiêu chí), (3) KN CS (7 tiêu chí), (4) KN TL (5 tiêu chí), (5) KN XL (4 tiêu chí), (6) KN DN (5 tiêu chí), (7) KN BV (5 tiêu chí), (8) KN TTr (3 tiêu chí), (9) KN PH (6 tiêu chí), (10) KN VS (7 tiêu chí) và (11) KN sử dụng CNTT (5 tiêu chí).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thanh Bình (2016), *Nghiên cứu thực trạng và giải pháp quản trị nguồn nhân lực tại các trường Đại học Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh.
 - Bộ GD&ĐT, Dự án Phát triển GV tiểu học (2007), *Giáo dục sống khỏe mạnh và KNS trong dạy học tự nhiên - xã hội ở tiểu học (Bản thảo)*.
 - Nguyễn Nam Hải (2017), *Nghiên cứu một số bài tập nâng cao phẩm chất ý chí cho vận động viên karate-do đội tuyển trẻ quốc gia*, luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh.
 - www.phamlocblog.com, 3/04/2017, cập nhật: 15/7/2017, lúc 15:30
- Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu khoa học của luận án tiến sĩ: “Nghiên cứu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học lớp 1, 2, 3 ở thành phố Cần Thơ tích hợp chương trình giáo dục thể chất”, Lương Quốc Hùng. Giáo viên hướng dẫn: Lương Thị Ánh Ngọc.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 6/7/2018; ngày phản biện đánh giá: 9/9/2018; ngày chấp nhận đăng: 14/10/2018)